

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/02/2021

V/v “ Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trình Minh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Chi.

Bà Võ Thị Trà Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Khối phố 5, phường A, TP T, tỉnh Quảng Nam; có yêu cầu xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Bùi Thanh N, sinh năm: 1992 Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Cuộc sống chung giữa chị và anh N không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Anh N không có trách nhiệm, luôn ngược đãi đánh đập chị nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N không có con chung.
- Về tài sản, nợ chung khi ly hôn: Không có.
- Bị đơn anh Bùi Thanh N vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Bùi Thanh N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị V khai không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị V có yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Bùi Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên xét xử vắng mặt anh N theo khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Bùi Thanh N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Việc kết hôn giữa chị V và anh N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cuộc sống chung giữa chị V và anh N phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, anh N thiếu trách nhiệm, bạo hành với chị V dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2017 anh N bỏ đi, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Đối với anh Bùi Thanh N được Tòa án triệu tập đến hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng anh N cố tình lẩn tránh không đến dự phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa cho thấy anh N không tôn trọng, không chấp hành pháp luật, không tha thiết đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị V.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V anh N đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị V với anh Bùi Thanh N phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V đối với anh Bùi Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Bùi Thanh N.
2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V khai không có nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004749 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trình Minh Hùng**

